TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Dân An.

2. Ông Lê Huỳnh Hải Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 357/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXX ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 92, ấp Phú Hiệp, xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn U, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 33, khu phố Long Thành, phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 22 tháng 11 năm 2021, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị và anh U tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng từ đầu năm 2020 cho đến nay phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh U đi làm không mang tiền về lo cho con còn vay nợ riêng. Trước đây anh U ở nhà cha mẹ chị, về yêu cầu cha mẹ chị vay tiền cho anh làm ăn. Chị và gia đình không đồng ý nên anh cứ hằn học suốt. Từ khi dịch bệnh bùng phát đến nay anh U về nhà cha mẹ ruột tại số 33, ấp Long Thành, xã Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh sinh sống và không còn quan tâm đến mẹ con chị. Mỗi lần uống rượu về lại đe dọa sẽ giết gia đình chị. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh U có 02 con chung là Phạm Minh T, sinh ngày: 10/5/2019 và Phạm Minh K, sinh ngày: 01/9/2020. Hiện 02 con chung đang ở với chị. Ly hôn chị xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung. Anh U được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn anh Phạm Văn U trình bày:

Anh và chị G tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Anh và chị G không có mâu thuẫn gì lớn, do kinh tế khó khăn nên thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Chị G xin ly hôn anh xin đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Minh T, sinh ngày: 10/5/2019 và Phạm Minh K, sinh ngày: 01/9/2020. Hiện 02 con chung đang ở với vợ anh. Ly hôn anh xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung. Chị G được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G đối với anh U; Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Minh T, sinh ngày: 10/5/2019 và Phạm Minh K, sinh ngày: 01/9/2020. Giao 02 con chung cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị G không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung. Anh U được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm chị G phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị G có đơn xin giải quyết vắng mặt. Anh U đã được Tòa án Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt chị G, anh U theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị G, anh U tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Chị G xác định thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc. Nhưng từ đầu năm 2020 cho đến nay phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh U đi làm không mang tiền về lo cho con còn vay nợ riêng. Trước đây anh U ở nhà cha mẹ chị, về yêu cầu cha mẹ chị vay tiền cho anh làm ăn. Chị và gia đình không đồng ý nên anh cứ hằn học suốt. Từ khi dịch bệnh bùng phát đến nay anh U về nhà cha mẹ ruột tại số 33, ấp Long Thành, xã Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh sinh sống và không còn quan tâm đến mẹ con chị. Mỗi lần uống rượu về lại đe dọa sẽ giết gia đình chị. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Anh U xác định anh và chị G không có mâu thuẫn gì lớn, do kinh tế khó khăn nên thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Chị G xin ly hôn anh xin đoàn tụ vợ chồng nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn. Tòa án mời anh tham gia phiên tòa sơ thẩm để hàn gắn vợ chồng nhưng anh vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng chị G, anh U không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ vợ chồng. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G với anh U.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Minh T, sinh ngày: 10/5/2019 và Phạm Minh K, sinh ngày: 01/9/2020. Từ nhỏ đến nay 02 con chung đang sinh sống cùng chị G. Chị xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung. Anh U cũng xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị G chấp dưỡng. Các con chung đang nhỏ, cháu lớn mới hơn 38 tháng tuổi, cháu nhỏ dưới 36 tháng tuổi, từ khi sinh đến nay đều do chị G chăm sóc. Tòa án mời anh U tham gia phiên tòa để thỏa thuận về việc nuôi con nhưng anh U không lên. Hội đồng xét xử giao con chung cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị G không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung. Anh U được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nhận xét và quan điểm nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị G là nguyên đơn phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn củachị Nguyễn Thị G với anh Phạm Văn U.

Chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Phạm Văn U.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Phạm Minh T, sinh ngày: 10/5/2019 và Phạm Minh K, sinh ngày: 01/9/2020. Giao 02 con chung cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị G không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung. Anh G được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị G đã nộp theo biên lai thu số 0020419 ngày 22-11-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị G đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. thị xã Tây Ninh;
- CCTHADS. thị xã Tây Ninh;
- UBND. xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Thị Bích Hằng